

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hải
2. Bà Trần Thị Chiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lữ Thành N, sinh năm 1977; cư trú tại: Số 444 Quốc lộ 62, Phường N, thành phố T, tỉnh Long An (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; cư trú tại: Số 444 Quốc lộ 62, Phường N, thành phố T, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 10 tháng 8 năm 2020 và các lời khai trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lữ Thành N trình bày:

Vợ chồng anh N tiến tới hôn nhân là do tự nguyện sau thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức hỏi cưới và được Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 142/2003 ngày 11 tháng 12 năm 2003. Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ anh N. Vì tính chất công việc nên anh N phải thường xuyên vắng nhà; chị H làm công nhân cho một công ty giày da tại Thành phố Hồ Chí Minh; cuối tuần, khi không có tăng ca hoặc

không đi công tác thì chị H mới về nhà thăm chồng con; có khi cả tháng, vợ chồng mới gặp nhau một lần. Do vậy, vợ chồng có ít thời gian gần gũi, tâm sự, chia sẻ với nhau. Thời gian đầu, anh N nhận thấy cũng bình thường nhưng càng lâu dài, anh thấy vợ chồng ngày càng xa cách nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt vì không ai quan tâm chăm sóc ai, chị H quan trọng công việc hơn gia đình. Trong sinh hoạt hàng ngày, chị H có nhiều lời lẽ to tiếng và có thái độ không tôn trọng mẹ chồng, không hòa thuận với anh chị em bên chồng. Chị H còn nghi ngờ anh N quan hệ với người phụ nữ khác nhưng không có chứng cứ chứng minh. Anh N đã từng đề cập vấn đề ly hôn do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm không thể giải quyết được, vợ chồng không còn tình cảm, không còn tin tưởng, yêu thương nhau nhưng chị H không đồng ý và xin cơ hội hàn gắn, hứa thay đổi tốt hơn nhưng vẫn không cải thiện được. Hôn nhân của hai người còn kéo dài cho đến nay chủ yếu là vì con cái chứ không phải vì yêu thương nhau. Anh N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với chị H.

Về nuôi con chung: vợ chồng có một con chung tên Lữ Thành Đ, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2004; hiện đang sống chung với anh N và ông bà nội. Sau khi ly hôn, anh N sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: trong thời gian chung sống, chị H có mua sắm vật dụng trong gia đình nhưng vợ chồng không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung đúng như anh N đã nêu. Chị H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh N vì trước khi cưới nhau, anh N cùng gia đình chồng đã biết và đồng ý để chị tiếp tục công việc nhằm tạo thu nhập trang trải cuộc sống gia đình. Trong thời gian chung sống, chồng và gia đình bên chồng không phàn nàn gì về công việc của chị. Chị xác định chị luôn dành trọn tình cảm cho chồng con và gia đình, không gây ra lỗi lầm gì, chị thấy tình cảm vợ chồng vẫn tốt đẹp, trước giờ ông bà nội vẫn chăm sóc, nuôi dạy con của anh chị. Chỉ khoảng gần một năm nay, sau khi có người phụ nữ lạ điện thoại nói chuyện với chị về việc người phụ nữ này và anh N có quan hệ tình cảm thì anh N ít nói chuyện và chặn số điện thoại của chị, chị gọi điện thoại hay nhắn tin cho chồng đều không được. Cho dù anh N có tình cảm với người phụ nữ khác thì chị vẫn chấp nhận tha thứ. Chị thừa nhận chị đã dành nhiều thời gian cho công việc hơn gia đình, chưa làm tròn bổn phận của người vợ, người mẹ nhưng chị muốn con cái có đầy đủ tình thương của cả cha lẫn mẹ. Từ trước đến giờ, lời nói và việc làm của chị khiến gia đình chồng chưa hài lòng thì chị sẽ thay đổi, không để xảy ra việc tương tự. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của anh N thì chị đồng ý để anh N nuôi dưỡng con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu và lời trình bày, anh N kiên quyết ly hôn, chị H không đồng ý và tha thiết đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát cho rằng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện hôn nhân giữa anh N và chị H là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, cả hai đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, anh N kiên quyết ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, hai người đã ly thân hơn một năm nay; chị H không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với anh N nhưng chị H không thuyết phục được anh N để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Từ đó có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N. Về con chung: giao con chung Lữ Thành Đ cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lữ Thành N khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Long An. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của anh Lữ Thành N thấy rằng:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lữ Thành N và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau vào năm 2003, có tiến hành đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 143/2003 ngày 11 tháng 12 năm 2003. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Sau khi kết hôn, anh N và chị H chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên sống xa nhau, không ai quan tâm chăm sóc ai, không có sự tin tưởng nhau, coi trọng công việc hơn trách nhiệm với gia đình, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn âm ỉ kéo dài, anh N đã từng đề cập vấn đề ly hôn nhưng chị H không đồng ý. Chị H thừa nhận anh N không còn tình cảm với chị, gần một năm nay, anh N đã chặn số điện thoại và không liên lạc gì với chị.

Vợ chồng thật sự chấm dứt quan hệ tình cảm và đã ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Tại phiên tòa, anh N xác định không còn tình cảm với chị H và kiên quyết ly hôn, chị H không đồng ý vì còn tình cảm với anh N, chị H hứa sẽ thay đổi theo yêu cầu của anh N và gia đình bên chồng để vợ chồng hàn gắn tình cảm, cùng chăm lo nuôi dạy cho con cái nhưng vẫn không thuyết phục được anh N.

[5] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh N và chị H tại địa phương nơi hai người sinh sống nhưng chính quyền địa phương không nắm được sự việc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình của anh N và chị H sinh sống, cha mẹ anh N thấy tình cảm vợ chồng giữa anh N và chị H ngày càng phai nhạt do từ đó đến giờ vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm chăm sóc ai, con cái do ông bà nội chăm sóc, tiền ai nấy xài, cha mẹ chồng có khuyên chị H về gần nhà làm việc nhưng chị H không đồng ý, khả năng vợ chồng đoàn tụ chung sống hạnh phúc là không thể.

[6] Từ nhận định tại [4] và [5] cho thấy mâu thuẫn giữa anh N và chị H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N đối với chị H là phù hợp.

[7] Về nuôi con chung: anh N và chị H có một con chung tên Lữ Thành Đ, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2004; hiện đang sống chung với anh N và ông bà nội. Xét thấy, anh N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, cháu Đ có nguyện vọng sống với cha và chị H cũng đồng ý nên giao con chung cho anh N nuôi dưỡng là phù hợp, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu nên không đề cập. Chị H không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[8] Về tài sản chung: các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[9] Về nợ chung: xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[10] Về án phí sơ thẩm: anh Lữ Thành N phải chịu 300.000 đồng.

[11] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Áp dụng Điều 51, 56, khoản 1 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lữ Thành N và chị Nguyễn Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Lữ Thành Đ, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2004 cho anh Lữ Thành N trực tiếp nuôi dưỡng; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, cha mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

4. Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lữ Thành N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004705 ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND Phường N, tp. T
(nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Các đương sự (02);
- Lưu: hồ sơ vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Toàn Vẹn